

GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

Vũ Minh Đức*

Chuyển đổi hệ thống học phí hiện tại sang áp dụng giá dịch vụ giáo dục là một trong những việc làm cần thiết trong tiến trình thực hiện tự chủ tài chính của các trường đại học công lập. Bài viết này nhằm làm rõ một số khía cạnh về bản chất của dịch vụ giáo dục đại học (DVGDĐH) và giá DVGDĐH và sự cần thiết phải xác định giá dịch vụ đại học. Điểm quan trọng cần được nhấn mạnh là dịch vụ giáo dục là một loại hàng hóa với những đặc thù của nó đòi hỏi giá DVGDĐH cần được xác định một mặt như là giá của một loại hàng hóa được trao đổi trên thị trường. Mặt khác, giá DVGDĐH là giá của hàng hóa đặc biệt. Xác định giá DVGDĐH cần tuân thủ các nguyên tắc căn bản theo đó đảm bảo phản ánh được các yếu tố hình thành giá DVGDĐH.

Từ khóa: dịch vụ giáo dục đại học, giá dịch vụ giáo dục đại học, học phí

Lời giới thiệu

Thực hiện nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”, (Chính phủ, 2012) một số trường đại học đang được thí điểm thực hiện cơ chế tự chủ tài chính. Một trong những vấn đề quan trọng của thực hiện cơ chế tự chủ tài chính trong các trường đại học công lập là trường đại học phải được dành quyền định giá dịch vụ giáo dục mà nó cung ứng cho người học. Về vấn đề này, Văn phòng Chính phủ cũng đã có công văn chỉ đạo việc xây dựng giá dịch vụ giáo dục trong năm 2013 (Văn phòng Chính phủ 2012).

Thay cho hệ thống học phí hiện hành, hệ thống giá dịch vụ được thiết lập sẽ giúp cho các trường tính toán các khoản thu từ cung ứng dịch vụ giáo dục chính xác hơn. Vì vậy, trước khi một phương pháp có căn cứ khoa học được áp dụng để xác định giá DVGDĐH, cần làm rõ về bản chất của

DVGDDH và giá DVGDĐH cũng như sự cần thiết khách quan phải chuyển đổi từ chế độ học phí hiện hành sang áp dụng giá DVGDĐH trong thời gian tới. Bài viết này sẽ tập trung phân tích về đặc thù của DVGDĐH, những đặc trưng của giá DVGDĐH, sự cần thiết phải xác định giá dịch vụ giáo dục và đề xuất một số nguyên tắc căn bản trong xác định giá DVGDĐH.

1. Dịch vụ giáo dục đại học và giá dịch vụ giáo dục đại học

Theo P.Kotler (1997: 478), “dịch vụ là mọi biện pháp hay lợi ích mà một bên có thể cung cấp cho bên kia và chủ yếu là không sờ thấy được và không dẫn đến sự chiếm đoạt một cái gì đó. Việc thực hiện dịch vụ có thể có và cũng có thể không liên quan đến hàng hóa dưới dạng vật chất của nó”. DVGDĐH có thể được định nghĩa là lợi ích mà cơ sở giáo dục đại học cung cấp cho người học. DVGDĐH cũng có bốn đặc điểm chung vốn có là: tính không sờ thấy được, tính không thể tách rời khỏi nguồn gốc, tính không ổn định về chất lượng và tính không lưu giữ được. Hơn thế nữa, với tư cách là một loại hàng hóa đặc biệt, DVGDĐH còn

có những điểm đặc thù. Theo Phạm Đức Chính (2012), một số điểm đặc thù của DVGDĐH có ảnh hưởng lớn đến việc định giá DVGDĐH bao gồm:

Một là, trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, DVGDĐH là một loại dịch vụ công cộng. Trong giáo dục đại học, lợi ích của nó không thể chia nhỏ cho mỗi người sử dụng, mà mọi người đều cùng dùng chung một chương trình giáo dục và cùng nhau khám phá ra những tri thức mới. Việc có thêm nhiều người trong xã hội cùng thụ hưởng dịch vụ giáo dục không làm cho lợi ích của các cá nhân đang tiêu dùng bị ảnh hưởng mà trái lại, còn làm cho tổng lợi ích của xã hội tăng lên.

Hai là, DVGDĐH không thuần túy đáp ứng nhu cầu cá nhân mà có tính chất của loại hàng hóa công nghiệp, giáo dục đại học là phương tiện tăng năng suất của người lao động trong tương lai.

Ba là, DVGDĐH có tính chất xã hội to lớn bởi vì không chỉ người học mà cả gia đình và xã hội được thụ hưởng lợi ích của giáo dục đại học. Những lợi ích bên ngoài mà DVGDĐH mang lại cho cộng đồng là cơ sở quan trọng để Chính phủ cần nhắc đầu tư cho giáo dục đại học.

Bốn là, chất lượng sản phẩm giáo dục đại học không chỉ phụ thuộc vào phía nhà cung cấp dịch vụ mà còn phụ thuộc vào năng lực, khả năng của người học. Sản phẩm của giáo dục đại học có thuộc tính xã hội. Điều này được thể hiện ở chỗ, có nhiều yếu tố cấu thành giá thành của sản phẩm, cho nên giá bán dịch vụ đại học không phải là tín hiệu đầy đủ của thị trường do trong giá thành sản phẩm luôn luôn có tài trợ của Chính phủ và cộng đồng.

Có nhiều tiếp cận khác nhau về định nghĩa giá cả. Theo David W. Pearce và các tác giả của Từ điển kinh tế học hiện đại (1999: 810), "giá một loại hàng hoá hoặc giá đầu vào cho thấy cái phải chi để có được một thứ hàng hoá hoặc dịch vụ. Nó thường được thể hiện bằng tiền mặc dù việc thanh toán không cần ở dạng tiền tệ". Như vậy, giá dịch vụ đại học chính là số tiền được yêu cầu, chào bán hay thanh toán cho DVGDĐH. Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, sự hình thành và vận động của giá DVGDĐH được quyết định bởi các quy luật kinh tế là quy luật giá trị, quy luật cung cầu và quy luật cạnh tranh. Một mặt, giá dịch vụ đại học phải phản ánh giá trị mà người mua đánh giá đối với dịch vụ mà họ nhận được. Do đó, giá DVGDĐH cần được xác định sao cho phù hợp với mức sẵn sàng

chi trả của người tiêu dùng dịch vụ. Mặt khác, giá DVGDĐH phải bù đắp chi phí mà trường đại học đã bỏ ra trong quá trình cung ứng. Đồng thời, giá này phải đảm bảo một mức tích lũy nhất định để các trường có thể tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học và người sử dụng lao động được đào tạo. Tuy nhiên, do tính chất đặc biệt của DVGDĐH, cần có sự vận dụng các nguyên tắc xác định giá khi xác định các chỉ tiêu cụ thể của hệ thống giá DVGDĐH. Cụ thể là, mức giá DVGDĐH cần được xác định từng bước phản ánh đủ và đúng các chi phí giáo dục đại học sớm khắc phục tình trạng bao cấp qua học phí như hiện tại. Hơn thế nữa, giá DVGDĐH phải phù hợp với chất lượng DVGDĐH và vị thế của cơ sở giáo dục đại học trên thị trường. Vì vậy, ngay cả trong hệ thống trường đại học công lập, về lâu dài, cần có sự phân biệt giá dịch vụ giữa các trường đại học dựa trên sự đánh giá của người học và người sử dụng lao động được đào tạo. Không thể và không nên áp dụng cách tính giá dịch vụ giáo dục theo quan điểm bình quân chủ nghĩa giữa các trường bởi vì điều này mâu thuẫn với nguyên tắc giá cả phải phù hợp với chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, giá DVGDĐH được sử dụng như là một công cụ kích thích các cơ sở giáo dục đại học nâng cao chất lượng dịch vụ, khắc phục tình trạng chạy theo quy mô đào tạo và đào tạo ở bất kỳ mức học phí nào. Giá DVGDĐH cũng không thể đóng vai trò như là một công cụ giải quyết các vấn đề an sinh xã hội khi áp dụng mức phí thấp không đủ bù đắp chi phí đào tạo thực tế.

Được hình thành trong điều kiện của kinh tế thị trường, giá DVGDĐH chịu tác động của các yếu tố chính dưới đây:

Một là, mức sẵn sàng chi trả của người học cho DVGDĐH, cao đẳng. Tùy thuộc vào giá trị dịch vụ được nhận thức ở người học¹ và khả năng thanh toán đối với dịch vụ mà mức sẵn sàng chi trả có thể khác nhau giữa các nhóm người học và ở các ngành đào tạo khác nhau.

Hai là, chi phí đào tạo đại học ở các ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học. Chi phí này có sự khác biệt giữa các cơ sở giáo dục đại học ở cùng nhóm ngành và ở các thời kỳ khác nhau.

Ba là, chính sách Nhà nước về giáo dục đại học theo đó có sự phân biệt về mức độ tài trợ đối với một số ngành đào tạo, cho những nhóm đối tượng

Bảng 1: Cơ cấu nguồn thu của trường đại học

Đơn vị: %

Chỉ số	Tất cả các trường đại học	Trường đa ngành	Trường đơn ngành
Nguồn thu từ ngân sách nhà nước	49,5	43,9	55,7
Học phí, lệ phí	43,1	46,3	39,5
Nguồn thu khác	7,4	9,8	4,8
Tổng nguồn thu	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Báo cáo cuối cùng về chi phí giáo dục đại học (Bộ Giáo dục và đào tạo, 2012)

người học và chủ trương xã hội hóa giáo dục đại học của Nhà nước.

Bốn là, các yếu tố môi trường vĩ mô như tình hình kinh tế, pháp luật và chính trị, môi trường kỹ thuật và công nghệ...

2. Sự cần thiết xác định giá dịch vụ giáo dục đại học

2.1. Sự lạc hậu của hệ thống học phí trong giáo dục đại học trước những thay đổi nhanh của hệ thống giáo dục đại học

Hệ thống học phí trong giáo dục đại học hiện hành ngày càng bộc lộ những hạn chế không thể khắc phục được bằng những giải pháp tình thế nữa rồi.

Thứ nhất, học phí không phản ánh đủ và đúng các khoản phí tổn mà cơ sở giáo dục đại học bỏ ra trong quá trình đào tạo ở tất cả các hệ và hình thức đào tạo, hoàn toàn thoát ly thực tế hoạt động đào tạo của các trường. Học phí trở thành khoản thu "tượng trưng" đối với trường đại học. Kết quả điều tra từ 60 trường đại học trong khuôn khổ Dự án Giáo dục Đại

học II (Báo cáo cuối cùng về chi phí giáo dục đại học, 2012) chỉ ra rằng học phí chỉ chiếm khoảng 39-46% tổng thu của trường đại học (xem bảng 1).

Nếu tính theo 8 nhóm ngành đào tạo, tỷ lệ học phí trong tổng thu của trường lại càng có sự khác biệt đáng kể. Nhóm ngành kỹ thuật và công nghệ có tỷ lệ cao nhất đạt 51,8% trong khi nhóm ngành nghệ thuật đạt tỷ lệ thấp nhất với 19,5%. Ngoài ra, so sánh giữa học phí với tổng chi thường xuyên, học phí với nguồn ngân sách nhà nước và học phí với nguồn ngân sách nhà nước cấp cho chi thường xuyên của các trường đại học thì tỷ lệ này cũng rất khác nhau giữa các nhóm ngành đào tạo ở các trường đại học (xem bảng 2).

Thứ hai, học phí trở thành rào cản lớn đối với quá trình xây dựng và phát triển của trường đại học. Nghịch lý đang tồn tại là trường đại học muốn tăng chất lượng đào tạo thì cần phải giảm quy mô nhưng điều này làm giảm thu nhập của trường. Các trường bị kích thích tăng quy mô bất chấp các điều kiện đảm bảo làm cho chất lượng đào tạo có nguy cơ suy giảm hơn nữa. Những giới hạn "cứng" của chính

Bảng 1: Tỷ lệ học phí, lệ phí trên nguồn thu, theo nhóm ngành

Đơn vị: %

Phân bổ theo nhóm ngành	Tỷ lệ học phí/tổng thu	Tỷ lệ học phí/tổng chi TX	Tỷ lệ học phí/Nguồn NSNN	Tỷ lệ học phí/Nguồn NSNN cấp cho chi TX
Công nghệ và Kỹ thuật	51,8	62,9	57,6	71,8
Khoa học tự nhiên	28,0	49,0	28,9	51,6
Khoa học xã hội	38,3	47,1	41,8	52,6
Sư phạm và Quản lý giáo dục	26,5	36,1	28,9	40,7
Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản	31,3	45,3	32,0	46,6
Y dược	30,1	34,2	32,6	37,6
Kinh tế và Luật	55,7	68,9	59,9	75,4
Nghệ thuật	19,5	27,8	20,5	30,1

Nguồn: Báo cáo cuối cùng về chi phí giáo dục đại học (Bộ Giáo dục và đào tạo, 2012)

sách học phí không thể đáp ứng yêu cầu cải thiện điều kiện dạy và học. Vấn đề kết quả nghiên cứu của Dự án giáo dục đại học II, tỷ lệ học phí so với chi phí thường xuyên bình quân trong tất cả các trường đại học được điều tra là 55,2% trong đó nhóm trường đa ngành là 58% và nhóm trường đơn ngành đạt 51,8%.

Thứ ba, xu hướng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục đại học đòi hỏi sự phát triển của các trường đại học theo hướng đào tạo đa ngành và phải đáp ứng chuẩn quốc tế trong giáo dục đại học, phải mở rộng quan hệ hợp tác giữa các trường trong và ngoài nước.

2.2. Yêu cầu xây dựng hệ thống giá dịch vụ có cơ sở khoa học theo hướng tiếp cận với các nguyên tắc của kinh tế thị trường trong giáo dục đào tạo

Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, dịch vụ giáo dục là một ngành kinh tế quan trọng. Nền kinh tế đang được vận hành theo các nguyên tắc của kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Các nguyên tắc căn bản của kinh tế thị trường đòi hỏi dịch vụ giáo dục phải được trao đổi ngang giá, giá cả dịch vụ giáo dục phải được xác định trong quan hệ trao đổi giữa người tiêu dùng và người cung ứng trên thị trường dịch vụ giáo dục. Trên thực tế, mức học phí giáo dục đại học, cao đẳng mặc dù được điều chỉnh tăng trong một vài năm gần đây, về cơ bản là vẫn là mức phí bị áp đặt từ phía Nhà nước và được xác định thấp rất nhiều so với chi phí thực tế mà các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và cả phía người học phải bỏ ra. Nhiều khoản chi phí "không chính thức" mà người học phải bỏ ra nằm ngoài học phí. Mức học phí thực sự mà người học phải bỏ ra đôi khi vượt gấp nhiều lần học phí danh nghĩa mà họ nộp cho cơ sở giáo dục.

Giá DVGDĐH phải trở thành thước đo hiệu quả đào tạo của các trường đại học, cao đẳng. Về lâu dài, Nhà nước không thể định giá dịch vụ giáo dục mà phải để cho thị trường quyết định. Người mua và người cung ứng dịch vụ tham gia thị trường dịch vụ giáo dục là người quyết định về mức giá và số lượng dịch vụ được trao đổi tại mức giá đó. Các trường đại học công lập với chất lượng đào tạo, uy tín hình ảnh thương hiệu đạt được ở mức cao sẽ có quyền đặt giá dịch vụ cao và ngược lại. Giá dịch vụ giáo dục phải là một trong những tín hiệu để người học nhận ra những trường cung cấp dịch vụ tốt hơn. Về phía người mua, họ có quyền trả giá cao hơn và theo đó

kỳ vọng nhận được dịch vụ chất lượng cao hơn. Sự cao bằng, "bình quân chủ nghĩa" trong xác định mức học phí trong các trường đại học công lập đã triệt tiêu động lực phát triển của các trường đại học.

2.3. Yêu cầu cải cách hệ thống giáo dục đại học theo hướng đảm bảo quyền tự chủ tài chính ngày càng đầy đủ cho các cơ sở đào tạo

Cùng với việc cải cách hệ thống giáo dục, đổi mới cơ chế hoạt động của các trường đại học, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong đó có DVGDĐH là yêu cầu tất yếu. Việc đảm bảo quyền tự chủ tài chính đòi hỏi các trường đại học phải được giao quyền rộng rãi hơn không chỉ trong chi tiêu tài chính mà còn bao hàm cả các hoạt động tạo thu nhập. Xác định lại chi phí đào tạo và hình thành hệ thống giá DVGDĐH giúp các trường hình thành cơ sở tính toán về khoản thu từ người học.

Giá dịch vụ được hình thành trong quan hệ trao đổi dịch vụ giữa người học và nhà cung cấp dịch vụ. Khi được tăng quyền tự chủ tài chính ngày càng đầy đủ, cơ sở giáo dục phải có quyền trong việc quyết định mức giá dịch vụ cũng như những thay đổi có thể có về mức giá dịch vụ. Trên thực tế, mở rộng quyền tự chủ tài chính của các trường đại học chưa được thực hiện đồng bộ và chưa triệt để. Do đó, xác định giá dịch vụ phù hợp với chất lượng dịch vụ đào tạo từng trường đại học sẽ là điều kiện quan trọng để các cơ sở giáo dục đại học thực hiện tự chủ đầy đủ và thực chất.

3. Các nguyên tắc xác định giá dịch vụ giáo dục đại học

Giá DVGDĐH phải bù đắp chi phí hợp lý, dựa trên chi phí đào tạo đại học. Đồng thời, giá DVGDĐH phải đảm bảo mức tích lũy cần thiết nhằm đáp ứng các yêu cầu tự chủ tài chính đầy đủ cho các trường đại học.

Theo nguyên tắc này, mức giá dịch vụ phải phản ánh đủ và đúng các chi phí phát sinh trong quá trình đào tạo đại học. Chi phí đào tạo làm cơ sở để tính giá dịch vụ giáo dục có thể được phân loại và tập hợp theo nhiều cách khác nhau. Về cơ bản, chi phí đào tạo phải được phân loại, tập hợp và tính toán phù hợp với các chuẩn mực kế toán, các quy định quản lý tài chính giáo dục công và thực tế ở các đại học hiện nay. Tuy nhiên, việc phân ánh chi phí đào tạo cần được thực hiện theo một lộ trình tiến tới tính đúng và đủ các yếu tố chi phí hợp lý nhằm xóa bỏ

tình trạng bao cấp qua học phí trong nhiều năm qua.

Mức tích lũy trong cơ cấu giá dịch vụ có thể được tính theo tỷ lệ phần trăm so với chi phí đào tạo nhưng cần có sự phân biệt giữa các ngành đào tạo và đối tượng người học phù hợp với chính sách của nhà nước.

Phản ánh quan hệ cung- cầu về DVGDĐH

Giá DVGDĐH cần phản ánh tương quan cung cầu về dịch vụ giáo dục ở những ngành đào tạo, khu vực và các thời kỳ khác nhau nhằm điều tiết cung cầu ở một mức độ nhất định đồng thời sử dụng giá dịch vụ để phát đi những tín hiệu thích hợp để cả người học và cơ sở đào tạo cân nhắc khi đưa ra các quyết định liên quan đến việc học và đào tạo.

Giá DVGDĐH cần được áp dụng một cách linh hoạt phù hợp với tình hình cung cầu trên thị trường dịch vụ giáo dục. Nhà nước với tư cách là người định giá DVGDĐH, một mặt, cần có những thông tin tin cậy và cập nhật về tình hình cung cầu trên thị trường dịch vụ giáo dục, mặt khác, cần chủ động sử dụng công cụ giá cả để tác động tới quan hệ cung cầu dịch vụ giáo dục vận động phù hợp với quy luật của kinh tế thị trường.

Giá DVGDĐH phải được xác định phù hợp với thu nhập của người dân nói chung, khả năng chi trả của người học và ngân sách nhà nước

Chi tiêu cho giáo dục là một phần quan trọng trong tổng chi tiêu của người dân. Mức chi tiêu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó thu nhập là một trong những yếu tố quyết định khả năng chi trả. Do đó, xác định giá DVGDĐH không thể tách rời mức thu nhập thực tế của người dân nói chung và của người học nói riêng.

Ngoài chi phí trả trực tiếp cho trường đại học được xác định bằng giá dịch vụ giáo dục, người học phải chi trả các khoản chi phí như ăn, ở, đi lại và các khoản chi phí cần thiết khác. Giá DVGDĐH cần được đặt trong tương quan chung với giá sản phẩm dịch vụ thiết yếu và thông dụng đáp ứng nhu cầu của người dân.

Một trong những đặc trưng quan trọng của giá thành DVGDĐH là luôn có phần tài trợ của Chính phủ và cộng đồng. Khó có thể tách biệt rõ ràng và chính xác khoản tài trợ này nhưng nhờ khoản tài trợ đó, giá thành DVGDĐH "thấp tương đối" và người học được hưởng lợi. Tuy nhiên, giá DVGDĐH cần được xác định sao cho phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước. Định hướng chung là giảm dần

các khoản cấp phát trực tiếp của Nhà nước cho các cơ sở đào tạo công. Thay vào đó, Nhà nước áp dụng cơ chế đặt hàng đối với các trường đại học về số lượng người được đào tạo ở những ngành nghề nhất định.

Giá DVGDĐH được phân biệt theo nhóm ngành nghề, hệ và chương trình đào tạo và đối tượng người học

Sự phân biệt giá DVGDĐH theo ngành nghề và chương trình đào tạo nhằm phản ánh sự khác biệt về chi phí đào tạo giữa các nhóm ngành, nghề đào tạo. Hơn thế nữa, trong một chừng mực nhất định, trên thực tế có sự khác nhau nhất định về nhu cầu đào tạo ở những ngành nghề cụ thể. Cơ sở của phân biệt giá DVGDĐH theo nhóm ngành, nghề đào tạo là chênh lệch về chi phí đào tạo giữa các nhóm ngành trong cùng thời gian. Theo kết quả nghiên cứu được trình bày trong báo cáo "Xác định chi phí đào tạo một sinh viên đại học của Việt Nam" thuộc Dự án đại học 2 do World Bank tài trợ (Bộ Giáo dục và đào tạo, 2012), có sự chênh lệch đáng kể về chi phí đào tạo một sinh viên đại học giữa các nhóm ngành đào tạo hiện tại ở Việt Nam.

Theo nguyên tắc này, mức giá dịch vụ giáo dục chuẩn được xác định cho một nhóm ngành đào tạo được chọn làm chuẩn. Trên cơ sở hình thành hệ số phân biệt, mức giá dịch vụ giáo dục cụ thể sẽ được xác định cho từng nhóm ngành trong hệ thống giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

Phân biệt giá dịch vụ theo đối tượng người học nhằm thực hiện chính sách xã hội của Nhà nước. Cụ thể, mức giá dịch vụ giáo dục cần được phân biệt theo các đối tượng chính sách theo quy định của Nhà nước. Tùy thuộc vào số nhóm đối tượng chính sách được thụ hưởng hỗ trợ từ Nhà nước, giá dịch vụ giáo dục sẽ được xác định theo nhóm đối tượng người học ở từng nhóm ngành nghề đào tạo cụ thể.

Giá DVGDĐH được điều chỉnh khi các yếu tố hình thành giá dịch vụ giáo dục thay đổi

Do các yếu tố hình thành giá cả trong nền kinh tế nói chung và giá dịch vụ giáo dục nói riêng có sự thay đổi, đòi hỏi giá dịch vụ giáo dục phải được xem xét lại và điều chỉnh thích hợp. Không thể có một hệ thống giá dịch vụ cố định trong thời gian dài bất chấp những thay đổi của các điều kiện vĩ mô cũng như điều kiện và hoàn cảnh của các cơ sở đào tạo.

Giá DVGDĐH cần được đánh giá lại định kỳ



hàng năm với việc xem xét về mức độ bù đắp chi phí và đảm bảo mức tích lũy (nếu có). Hơn nữa, cần cân nhắc về mức và tỷ lệ điều chỉnh, thời điểm điều chỉnh, tránh sự đột biến.

Thực hiện tự chủ tài chính của các trường đại học công lập là một quá trình phức tạp và đòi hỏi sự đổi mới toàn diện, triệt để trong hoạt động tài chính của trường đại học. Đường nhiên, xác định giá DVGDĐH là một phần rất nhỏ nhưng không thể

thiếu trong tiến trình đó. Còn nhiều vấn đề phải được làm rõ như cơ cấu giá DVGDĐH, phương pháp xác định và lộ trình thực hiện việc áp dụng giá dịch vụ đại học trong hệ thống các trường đại học công lập ở Việt Nam. Đồng thời, cần có sự chỉ đạo trực tiếp từ bộ chủ quản và sự hướng dẫn của các bộ, ngành quản lý chức năng đối với các trường đại học trong việc áp dụng giá DVGDĐH thay thế cho hệ thống học phí hiện hành. □

1. Trong trường hợp này, cần xem xét cả giá trị được đánh giá bởi những người có liên quan như gia đình, tổ chức sử dụng lao động được đào tạo.

Tài liệu tham khảo:

Phạm Đức Chính, “Vai trò của quản lý của Nhà nước trong giáo dục đại học – Góc nhìn từ lý thuyết kinh tế học hiện đại,” <http://www.tainguyenso.vnu.edu.vn/jspui/bitstream>, 2012

Chính phủ, *Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”*, 2012.

P.Kotler, *Marketing căn bản*, (bản dịch tiếng Việt), Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội 1997.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án giáo dục đại học 2, “Xác định chi phí đào tạo một sinh viên đại học của Việt Nam”, 2012.

David W. Pearce (chủ biên), *Từ điển Kinh tế học hiện đại* (bản dịch tiếng Việt) ĐH KTQD và NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.

Văn phòng Chính phủ, Công văn số 32-TB/CP về Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Nhà nước về đổi mới cơ chế hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập ngày 06 tháng 11 năm 2012.

The price of higher education services in process of financial autonomy in the state owned universities

Abstract:

The paper focuses on the price of higher education services in state owned universities in Vietnam. It is necessary to change the current education fee system and apply the price of graduate educational services in the context of management renovation in the universities. Issues that will be presented in this paper are: the nature of higher education services; price of higher education services and the need to apply the price of higher education services. Furthermore, the paper also discusses the principles of determining higher education prices.

Thông tin tác giả:

***Vũ Minh Đức**, Tiến sĩ kinh tế

- Nơi công tác: Khoa Marketing, trường đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Định giá sản phẩm dịch vụ, quản trị giá trong doanh nghiệp và quản lý nhà nước về giá cả; các phương pháp nghiên cứu marketing trong quá trình làm marketing của doanh nghiệp.

- Tạp chí tiêu biểu đã từng đăng tài công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển.

Email: ducvm@neu.edu.vn